

**CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT VÀ THƯƠNG MẠI THU ANH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT VÀ THƯƠNG MẠI THU ANH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THU ANH TRADE AND TECHNOLOGY COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2400802026

**3. Ngày thành lập:** 20/10/2016

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Thành Công, Xã Tiền Phong, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0971639222

Fax:

Email: [thuanhcorp@gmail.com](mailto:thuanhcorp@gmail.com)

Website: [thuanhcorp.vn](http://thuanhcorp.vn)

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                               | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển                                                                                                          | 2651     |
| 2.  | Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại                                                                                                                                 | 2733     |
| 3.  | Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng                                                                                                                                       | 2740     |
| 4.  | Sản xuất đồ điện dân dụng                                                                                                                                               | 2750     |
| 5.  | Sản xuất thiết bị điện khác                                                                                                                                             | 2790     |
| 6.  | Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại                                                                                                              | 2512     |
| 7.  | Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp                                                                                                                                           | 0150     |
| 8.  | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                             | 5210     |
| 9.  | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                        | 5224     |
| 10. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Giao nhận hàng hóa; Gửi hàng, đại lý vé máy bay                                                        | 5229     |
| 11. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                 | 4663     |
| 12. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                  | 4741     |
| 13. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4752     |
| 14. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759     |
| 15. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                              | 3312     |
| 16. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                  | 3314     |
| 17. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                 | 3320     |
| 18. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                   | 4100     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 19. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp như: Các nhà máy lọc dầu, các xưởng hóa chất, đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống, đập và đê, xây dựng đường hầm                                                                                                                                                  | 4290        |
| 20. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4321(Chính) |
| 21. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4322        |
| 22. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: Thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống âm thanh, hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí, hệ thống hút bụi                                                                                                                                                                                         | 4329        |
| 23. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4330        |
| 24. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4390        |
| 25. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự                                                                                                                                                                                                                                           | 4649        |
| 26. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4651        |
| 27. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4652        |
| 28. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện ( máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện ); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng ( trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi ); Bán buôn máy móc, thiết bị công nghệ | 4659        |
| 29. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4932        |
| 30. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4933        |
| 31. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 8230        |
| 32. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 9511        |
| 33. | Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 9521        |
| 34. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Tư vấn thiết kế hệ thống thông gió, điều hòa không khí, tư vấn thẩm tra thiết kế xây dựng công trình, tư vấn lập hồ sơ mời thầu, quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, lập dự án đầu tư xây dựng công trình                                                                                                                   | 7110        |
| 35. | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 7120        |
| 36. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường; Tư vấn chuyển giao công nghệ                                                                                                                                                                                                                                 | 7490        |
| 37. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7710        |

|     |                                                                                                                                                                  |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 38. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác<br>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng ( kể cả máy vi tính ) | 7730 |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|

**6. Vốn điều lệ:** 1.900.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên   | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | THÂN BẢO NGỌC    | Thôn Thành Công, Xã Tiên Phong, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam             | 1.520.000.000         | 80,000    | 121937721                                                                                                                                         |         |
| 2   | VŨ THỊ HUYỀN NGÀ | Thôn Thành Công, Xã Tiên Phong, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam             | 380.000.000           | 20,000    | 121933794                                                                                                                                         |         |

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: THÂN BẢO NGỌC

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 01/10/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 121937721

Ngày cấp: 14/05/2008

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Giang

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Thành Công, Xã Tiên Phong, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Thành Công, Xã Tiên Phong, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang